TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/DS-ST
Ngày 17/8/2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Sơn

2. Ông Lưu Trọng Kim

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2017/TLST- DS, ngày 21/6/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐXXST-DS ngày 28/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967. Địa chỉ: tổ A, khu phố B, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 và ông Trần Văn L, sinh năm 1972. Địa chỉ: thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuân.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T, sinh năm 1959. Địa chỉ: tổ A, khu phố B, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2017, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào khoảng năm 2010, do quen biết nên bà đã cho ông L và bà H vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 23.000.000 đồng. Mỗi lần vay, hai bên đều không thỏa thuận tiền lãi nhưng ông L, bà H đều chủ động đưa tiền lãi cho bà. Sau đó, do cần tiền nên bà đã yêu cầu ông L, bà H trả tiền nhưng ông L, bà H cứ hứa hẹn mãi mà không trả. Năm 2012 bà khởi kiện để đòi số tiền trên và được TAND huyện Đức Linh giải quyết bằng quyết định công nhận thỏa thuận giữa các đương sự và đã buộc vợ chồng bà H phải trả cho vợ chồng bà số tiền 23.000.000 đồng. Sau khi bà yêu cầu thi hành án thì vợ chồng bà H đã trả được 12.000.000 đồng và hứa sẽ trả dần cho bà và bà đã rút đơn yêu cầu thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh đã ra quyết định đình chỉ thi hành án đối với vụ án này. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng bà H đã không trả được số nợ còn lại nên ngày 04/5/2015, bà H đã viết cho bà một giấy mượn tiền với nội dung có mượn bà số tiền 13.750.000 đồng và hẹn 12 tháng sau sẽ trả. Tuy nhiên đến nay ông L và bà H vẫn chưa thanh toán tiền cho bà. Vì vậy, nay bà khởi kiện yêu cầu ông L và bà H phải trả một lần cho vợ chồng bà số tiền 13.750.000 đồng. Bà không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2017 có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn L và vợ là bà Nguyễn Thị H thống nhất theo nội dung trình bày của nguyên đơn và thừa nhận còn nợ vợ chồng bà T 13.750.000 đồng. Nay bà T khởi kiện để yêu cầu trả số tiền này thì vợ chồng ông đồng ý nhưng yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông trả dần vì hiện nay gia đình ông đang rất khó khăn, không có điều kiện trả một lần số tiền trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T thống nhất như trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị T, không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung: Xét thấy giữa các đương sự đã thống nhất được nội dung tranh chấp, cụ thể là vợ chồng bà H có nợ của vợ chồng là T số tiền 13.750.000 đồng và hai bên đều thống nhất lời khai là số nợ này không liên quan gì đến vụ án đã được giải quyết vào năm 2012. Bởi vụ án dân sự giải quyết vào năm 2012 đã được đình chỉ thi hành án.

Do vợ chồng bà H không trả được nợ theo cam kết nên bà T khởi kiện để đòi số tiền 13.750.000 đồng. Bà T không yêu cầu tính lãi. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần được chấp nhận. Buộc vợ chồng bà H trả tiền cho vợ chồng bà T là đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự. Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T buộc vợ chồng ông L bà H trả số tiền nợ gốc 13.750.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật. Bởi yêu cầu khởi kiện của bà T phù hợp với chứng cứ là giấy mượn tiền do bà Nguyễn Thị H lập ngày 04/5/2015 đã thể hiện nội dung "Tôi tên Nguyễn Thị H và chồng tôi tên Trần Văn L có mượn của chị T số tiền 13.750.000 đồng. Tôi hứa sau 12 tháng tôi sẽ trả cho chị T". Đồng thời, yêu cầu khởi kiện này đã được ông L, bà H thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2017 có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Ngoài ra, các bên đương sự đều xác nhận số tiền tranh chấp trong vụ án này không liên quan gì đến vụ án đã được giải quyết trước đây.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông L và bà H đề nghị được trả dần số tiền nợ trên nhưng bà T và ông T không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét trong bản án này. Việc vợ chồng bà T không yêu cầu ông L và bà H phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ nêu trên. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bên có quyền và có lợi cho bên có nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy giao dịch dân sự này được xác lập trước

ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nhưng nội dung và hình thức phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp và đúng pháp luật. Từ phân tích trên, căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông L và bà H phải trả cho bà T và ông T số tiền 13.750.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật. Nếu ông L và bà H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật và khi vợ chồng bà T có đơn yêu cầu thi hành án thì ông L và bà H còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc ông L và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà T là đúng pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Buộc ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T số tiền là: 13.750.000 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và vợ chồng bà T ông T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông L và bà H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2. Về án phí: Ông L và bà H phải chịu 687.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà T 343.000 đồng, là số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013078 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án là ngày 17/8/2017 để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Phước Hiệu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.